



TỔ CHỨC XÃ HỘI CƠ-TU TRUYỀN THỐNG  
TỪ GÓC NHÌN CỦA LÝ THUYẾT  
XÃ HỘI DÂN SỰ

NGUYỄN XUÂN HỒNG,  
BÙI TRÚC LINH

Là “một trong những nền văn hóa tộc người cổ kính và đặc sắc nhất ở Việt Nam trong cái nhìn so sánh với các nền văn hóa tộc người khác ở Việt Nam và Đông Nam Á” (Tạ Đức, 2002, tr. 5), tộc người Cơ-tu thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu ngay từ những thập niên đầu tiên của thế kỷ trước và cho đến nay đã dần được khám phá với nhiều điều hay và mới lạ, thể hiện sự nhiệt tâm và trân trọng của các học giả về tộc người này<sup>1</sup>.

Khi tìm hiểu về người Cơ-tu, chúng tôi cảm thấy tâm đắc ở hình thái tổ chức xã hội với ba cấp độ gia đình - dòng họ - làng cùng những thiết chế liên quan của đồng

bào. Chính hình thái tổ chức xã hội này đã đảm bảo cho cuộc sống đồng bào được ổn định và phát triển trong những chặng đường lịch sử đã qua; và nếu tiếp tục được cải biên, lồng ghép trong chừng mực nhất định thì nó có thể còn phát huy tác dụng nhiều hơn để phục vụ cho sự hòa nhập và cùng phát triển của đồng bào trong giai đoạn hiện nay. Một điều thú vị là, theo chúng tôi, những nét tiến bộ trong tổ chức và vận hành xã hội Cơ-tu đã mang dáng dấp sơ khai của một mô hình tổ chức xã hội cao về chất thuộc phạm trù của xã hội văn minh - “xã hội dân sự”<sup>2</sup>.

<sup>1</sup> Chẳng hạn như: L. Bezacier (1912) với *Interprétation du tatouage frontal des Moi Katu* (Ghi chép về người moi Katu); Le Pichon (1938) với *Les chasseurs de sang* (Những người săn máu/Những kẻ săn đầu); Ngọc Anh (1960) với *Sơ lược giới thiệu dân tộc Ka-tu*; Nguyễn Quốc Lộc (Chủ biên, 1984) với *Các dân tộc ít người ở Bình Trị Thiên*; Nguyễn Xuân Hồng (1994) với *Dòng họ của người Tà ôi, Cotu và Vân Kiều*; Nguyễn Xuân Hồng (2002) với *Kinh nghiệm quản lý hệ sinh thái nhân văn trong vùng người Tà ôi, Cotu, Bru - Vân Kiều ở Quảng Trị - Thừa Thiên Huế*; Tạ Đức (2002) với *Tìm hiểu văn hóa Katu*; Nguyễn Văn Mạnh (Chủ biên, 2002) với *Luật tục của người Tà ôi, Cotu, Bru - Vân Kiều*; Nguyễn Hữu Thông (Chủ biên) với *Katu kẻ sống đầu ngọn nước* (2004) và *Văn hóa làng miền núi Trung bộ Việt Nam: giá trị truyền thống và những bước chuyển lịch sử (dân liệu từ miền núi Quảng Nam)* (2005); Huỳnh Đình Quốc Thiện (2004) với *Hệ thống lãnh đạo của người Katu ở miền Trung Việt Nam...*

<sup>2</sup> “Xã hội dân sự” (civil society) là khái niệm được nhà chính trị và tư tưởng Anh Thomas Hobbes (1588-1679) sử dụng đầu tiên trong quyển *De Cive* xuất bản năm 1649. Tuy thu hút không ít nhà tư tưởng, nhà quản lý hay nhà hoạt động xã hội... tham gia thảo luận trong thời gian qua nhưng nội hàm của khái niệm này cho đến nay vẫn chưa được xác định một cách đầy đủ và thuyết phục. Trong bài viết này, “xã hội dân sự” được hiểu là một trạng thái phát triển về chất của xã hội bao gồm tổng thể các quan hệ và các tổ chức xã hội đa dạng ở nhiều mức độ, vượt ra ngoài phạm vi gia đình, nhà nước, thị trường, được hình thành và hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, tự nguyện, tự chủ trong khuôn khổ pháp lý và đạo lý; phối hợp với nhà nước để kiểm soát và hoàn thiện nhà nước pháp quyền, thúc đẩy phát triển kinh tế, từng bước hoàn thiện và phát huy vai trò của xã hội dân chủ, nhằm duy trì, đảm bảo sự ổn định, cân bằng và phát triển bền vững của nhà nước và của cả xã hội, hiện thực hóa quyền lợi của mỗi cá nhân và cộng đồng. Xem thêm: Hoàng Ngọc Giao (2006), Bàn về xã hội dân sự, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, Số 11, tr. 52; Võ Khánh Vinh (2008), Một số vấn đề lý luận

Trong bài viết này chúng tôi thử nhận diện mô hình tổ chức xã hội Cơ-tu truyền thống trên cơ sở những đặc điểm cơ bản của xã hội dân sự.

### 1. Tổ chức xã hội Cơ-tu truyền thống đã đạt được trình độ nhất định của việc tự tổ chức và tự điều chỉnh

Trình độ tự tổ chức và tự điều chỉnh của xã hội Cơ-tu thể hiện qua *các cấp độ tổ chức xã hội, bộ máy quản lý* và công cụ vận hành bộ máy tự quản - *luật tục*.

1. Có thể thấy, do tính chất còn sơ khai bởi thang bậc thấp của sự phát triển trong lịch sử mà *các cấp độ tổ chức của xã hội Cơ-tu* còn đơn giản. Song sự đơn giản đó lại là hợp lý, thể hiện sự ứng biến trong hoàn cảnh đặc thù do môi trường và điều kiện nhân văn quy định.

Như chúng ta đã biết, xã hội truyền thống của người Cơ-tu chưa tồn tại các cấp độ khác cao hơn hay thấp hơn làng (mang tính chất địa vực, lãnh thổ) mà làng là đơn vị tổ chức xã hội cơ bản và cao nhất. Bên cạnh quan hệ địa vực cư trú là quan hệ huyết thống biểu hiện qua hai cấp độ tổ chức dòng họ và gia đình. Sự hợp lý của cấp độ tổ chức làng trong điều kiện tự nhiên Trường Sơn đã được phân tích ở nhiều khía

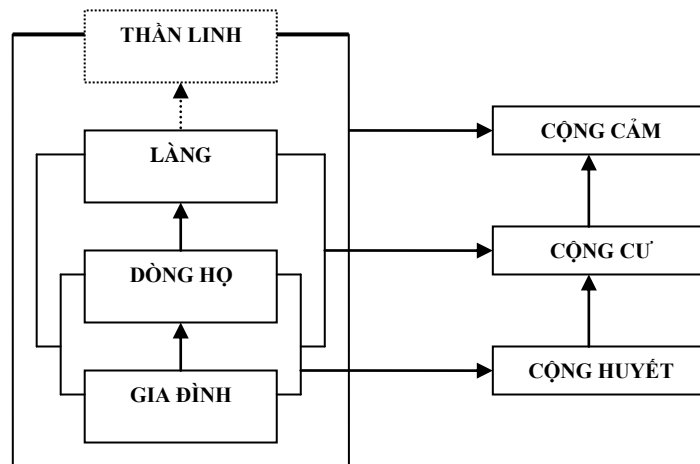
chạm<sup>3</sup>. Dưới cấp độ làng, dòng họ và gia đình cũng đảm bảo thực hiện được vai trò của chúng với tư cách là cầu nối gián tiếp (nhưng quan trọng) so với cầu nối trực tiếp giữa ngôi làng với từng thành viên của cộng đồng. Dòng họ và gia đình bảo đảm cho các khía cạnh sinh hoạt vật chất và tinh thần trong làng diễn ra trôi chảy, là những bộ phận khỏe mạnh cấu tạo nên sự vững bền của ngôi làng.

Ba cấp độ gia đình - dòng họ - làng có mối liên hệ mật thiết, chi phối nhau, hỗ trợ và bổ sung cho nhau để cùng thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng. Chất gắn kết trong tình huyết thống (cộng huyết), tình cảm láng giềng (cộng cư) được nâng lên cao bởi tính cộng cảm, tôn thờ các thế lực siêu nhiên càng tạo nên sự gắn kết các cấp độ tổ chức trong một thể thống nhất, điều hòa hoạt động của mỗi thành tố để phát huy vai trò cao nhất của mỗi yếu tố, phục vụ cao cả lợi ích của cộng đồng. Có thể nói, sự tổ chức ba cấp độ gia đình, dòng họ, làng là hợp lý trong điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của đồng bào Cơ-tu ở trong môi trường vốn đầy tính chia tách và thách thức cuộc sống của con người. Thiếu một trong ba cấp độ đó sẽ là một mất mát to lớn trong sự gắn kết cộng đồng.

về xã hội dân sự, *Tạp chí Khoa học xã hội*, Số 4 (116), tr. 23; Dương Xuân Ngọc (2008), Xây dựng xã hội dân sự ở Việt Nam, *Tạp chí Lý luận chính trị*, Số 9, tr. 61; và Nguyễn Minh Phương (2007), Các tổ chức xã hội dân sự trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, Số 7, tr. 10.

<sup>3</sup> Đó là việc bảo đảm tính chất phòng thủ, bảo đảm cho hoạt động sinh hoạt cộng đồng làng diễn ra thuận lợi và nhanh chóng, bảo đảm cho một cộng đồng chung trong sinh hoạt tôn giáo diễn ra với không khí cộng cảm cao độ...

Sơ đồ 1: Mối quan hệ gia đình - dòng họ - làng trong xã hội Cơ-tu truyền thống



2. Ba cấp độ tổ chức của xã hội Cơ-tu thể hiện rõ vai trò của mình hơn khi chính ở mỗi cấp độ tổ chức lại có các hình thức sắp xếp hoạt động, cơ cấu nhân sự, vai trò của mỗi thành viên ở mỗi cấp độ.

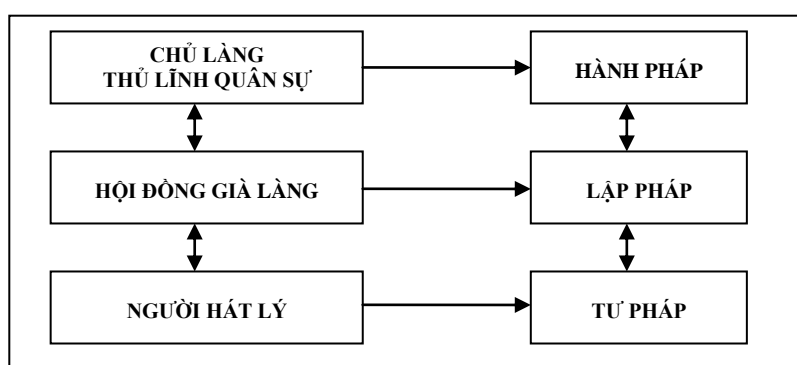
Ở cấp độ làng có đội ngũ nhân sự là tập hợp những thành viên có đầy đủ các tiêu chí cần thiết (uy tín, tuổi tác, kinh nghiệm, thậm chí giàu có) trong một tổ chức là *hội đồng già làng*<sup>4</sup>. Những thành viên đó là tinh hoa của cả cộng đồng, được bầu lên nhờ những phẩm chất cao quý của họ, nhờ khả năng đã được thể hiện trong cuộc sống đầy gian khổ mà họ đã vượt qua. Dẫu rằng, các thành viên của hội đồng già làng chưa được tập hợp trong một tổ chức chặt chẽ, được nhận thù lao hay làm việc khoa học, có giờ giấc nghiêm chỉnh nhưng họ đã thể hiện vai trò quan trọng trong đời sống Cơ-tu trải qua

bao thế hệ. Chính các thành viên này đã đưa ra những quyết định sáng suốt nhất (trong phạm vi mà họ có thể) để đưa cộng đồng hướng đến những giá trị cao đẹp hơn, bảo đảm cho mọi người được bình đẳng, tự do, được hưởng thành quả từ công sức lao động của mình, hưởng niềm vui yêu thương chan hòa trong mái ấm cộng đồng và đồng thời với đó là sự duy trì bảo lưu được các giá trị sâu sắc nhất (cả ở hai phương diện tốt, xấu) của phong tục tập quán truyền đời. Nhờ vậy, xã hội Cơ-tu luôn có sự phát triển bền vững ở một mức độ nhất định, thể hiện khả năng chống chọi và thích ứng cao độ với mọi biến cố trong sự sinh tồn của tộc người.

Cùng với nguồn nhân lực (những con người tài giỏi nhất làng, uy tín nhất làng) là khả năng tổ chức các hợp phần trong bộ máy tự quản của người Cơ-tu: Hợp phần lập pháp thuộc về hội đồng già làng, hành pháp thuộc về chủ làng và thủ lĩnh quân sự; tư pháp thuộc về người hát lý; và, ngoài ra, còn có vai trò của lĩnh vực ngoại giao và lĩnh vực văn hóa tư tưởng (mà người chủ làng, người hát lý đảm trách lĩnh vực thứ nhất, còn thầy cúng đảm trách lĩnh vực thứ hai). Chúng ta có thể thấy cơ cấu tổ chức này qua sơ đồ sau:

<sup>4</sup> Hội đồng già làng trong xã hội Cơ-tu truyền thống là tập hợp các già làng có ý thức, trách nhiệm của mình đối với làng bản. Trong đó, đứng đầu là vị chủ làng (được xem là linh hồn của bộ máy tự quản) cùng các thành viên khác như người hát lý (đảm trách thẩm quyền về tư pháp và ngoại giao), người chỉ huy quân sự (đảm nhiệm chức vụ về quân sự và an ninh), người thầy cúng (đảm trách thần quyền và y thuật) và các vị chủ dòng họ hay chủ đất...

Sơ đồ 2: Tổ chức Bộ máy tự quản trong xã hội Cơ-tu truyền thống



*Lập pháp* của người Cơ-tu là quá trình sáng tạo luật tục, sáng tạo ra các quy định, chuẩn mực, các thang giá trị mà muốn cùng sinh tồn trong cộng đồng, muốn đảm bảo cho cộng đồng chung được phát triển thì mỗi thành viên của nó đều phải có trách nhiệm, nghĩa vụ tuân theo. Nội dung hoạt động lập pháp của người Cơ-tu giống hoạt động lập pháp của xã hội hiện đại ở chỗ cơ quan lập pháp bao giờ cũng hội tụ những con người hiểu rõ nhất các khía cạnh và phương thức để điều chỉnh xã hội, *những con người đầy tính người nhất* soạn thảo ra những quy định để nguyên tắc bình đẳng, tự do, quyền lợi, trách nhiệm của mỗi thành viên trong cộng đồng được đảm bảo như nhau, vừa là điều kiện tiên quyết cho sự tồn tại của mỗi cá nhân vừa là đòi hỏi của sự sống còn của cả xã hội. Nội dung đó phải xuất phát từ hoạt động thực tiễn, do thực tiễn đặt ra và nội dung phải thay đổi thường xuyên cho phù hợp với điều kiện, đòi hỏi luôn đổi thay trong sự vận hành, phát triển của xã hội.

Điểm khác của hoạt động lập pháp của người Cơ-tu là lập pháp song kết quả của lập pháp không có “hiến pháp” hay các bộ

luật thành văn, nó cũng không phải là kết quả soạn thảo của những con người ưu tú trong một tháng, một năm hay mười năm mà là kết quả của hàng chục, hàng trăm thế hệ, là sự chất lọc, đúc rút ra những quy định, chuẩn mực phù hợp nhất cho công cuộc mưu sinh. Dẫu không trọn vẹn để có thể bao hàm mọi mặt của cuộc sống song kết quả hoạt động lập pháp trong đời sống Cơ-tu đã thể hiện ý nghĩa của nó khi minh chứng là sự sinh tồn của đồng bào được đảm bảo trong suốt chặng đường lịch sử đã qua.

*Hoạt động hành pháp* của người Cơ-tu không phải là hoạt động của một chính phủ hay nội các có cơ cấu sắp xếp tinh vi, chuẩn mực. Hoạt động hành pháp ở đây là của một tổ chức cao nhất làng - hội đồng già làng thông qua cương vị của người đứng đầu làng - chủ làng Cơ-tu. Các sự việc cấp bách trong đời sống của người Cơ-tu được giải quyết tức thời bởi hội đồng già làng. Các “viên chức” của hội đồng già làng hoạt động không có lương bổng, không giờ giấc song họ làm việc bằng tất cả tấm lòng của họ, *làm việc vì tinh thần cộng đồng và hưởng lợi tinh thần từ cộng đồng*. Hoạt động hành pháp của hội đồng già làng không dựa

vào một bộ máy quyền lực có tính cưỡng chế (nhà nước) với nòng cốt là các đội vũ trang trấn áp. Hành pháp ở đây là lẽ phải và tiếng nói chung của cộng đồng phù hợp với điều kiện sống mới chính là công cụ áp chế mạnh nhất, điều hành tốt nhất mọi mặt hoạt động sản xuất, sinh hoạt của cộng đồng. Hoạt động hành pháp của người Cơ-tu chứa đựng tính cộng đồng, tính tương thân, tương trợ và bao dung. Người dân chấp hành ý kiến và sự dẫn dắt của bộ phận lãnh đạo không phải bằng tính bị động, áp đặt từ trên xuống mà cao hơn là sự tự nguyện, chấp hành lẽ phải của cộng đồng vì sự sinh tồn của cộng đồng và sự hạnh phúc, no ấm của bản thân mình. Vì vậy, nói là hoạt động “hành pháp” nhưng thực chất là “hành tình”, tức là không sử dụng luật pháp, pháp chế để điều chỉnh mà sử dụng tình cảm, điều hành quản lý dựa trên nguyên tắc cao là tinh thần cộng đồng, tình cảm đoàn kết tương trợ, tạo được môi trường xã hội ổn định, lành mạnh.

Khía cạnh *tu pháp* - hoạt động đảm bảo quyền lợi cho mọi thành viên dựa trên cơ sở tôn trọng các quyền thiêng liêng của con người - ở đồng bào Cơ-tu không tách rời với khía cạnh hành pháp hay lập pháp. Bởi vì người đứng đầu khía cạnh hành pháp (chủ làng), đứng đầu khía cạnh lập pháp (hội đồng già làng) lại cùng phối hợp, chỉ đạo, trao truyền cho người hát lý thực hiện chức năng, vai trò tư pháp của mình. Hoạt động tư pháp không tách bạch mà nó như là công cụ hỗ trợ cho hành pháp để thực hiện vai trò lập pháp. Mặc dù không được tổ chức có tính quy phạm như tư pháp thời hiện đại với tòa án (tối cao và các cấp), viện kiểm sát nhân dân (tối cao và các cấp) song tư pháp ở người Cơ-tu cũng đã đảm bảo sự cân bằng

trong hoạt động của mình thể hiện ở vai trò của tòa án luật tục (đại diện cho lĩnh vực tòa án) và vai trò chứng kiến, tham gia của toàn thể dân làng trong việc xét xử, thực hiện chế tài (có tính chất còn cao hơn vai trò của viện kiểm sát nhân dân). Nhờ đó, quyền lợi và nghĩa vụ của mọi thành viên cộng đồng đều được tôn trọng, đảm bảo.

*Đời sống văn hóa tư tưởng* trong xã hội Cơ-tu bao gồm hai thành tố chính. Thứ nhất là văn hóa của những con người trong một cộng đồng, về quan hệ ứng xử và các hoạt động chung của họ. Thứ hai là văn hóa tư tưởng trong quan hệ giữa họ với thế giới tâm linh<sup>5</sup>. Khía cạnh thứ hai này là không thể thiếu khi đời sống đồng bào còn mang nặng yếu tố hên, xui, may, rủi của sự tác động bởi tự nhiên.

*Dưới cấp độ làng, dòng họ và gia đình cũng có hình thức sắp xếp nhân sự và hoạt động như ở cấp làng.* Người đứng đầu dòng họ, phân chi hay chủ gia đình bao giờ cũng là người có uy tín, kinh nghiệm và phẩm chất quan trọng nhất để đảm bảo cho sự vận hành mỗi cấp độ (dòng họ, phân chi, gia đình). Người đứng đầu mỗi cấp độ tổ chức huyết thống điều hành mọi hoạt động của các cấp độ tổ chức trên cơ sở nghe và làm theo của các thành viên và không loại

<sup>5</sup> Xã hội Cơ-tu chưa bước ra khỏi màn đêm huyền bí của tín ngưỡng vạn vật hữu linh. Quan niệm của đồng bào cho rằng, mọi sự vật hiện tượng từ ngọn suối, tảng đá, gốc cây, hoa trái, con vật đều có linh hồn, hàm chứa trong bản thân chúng những sức mạnh có thể quyết định sự yên vui no ấm hay là sự chết chóc, mất mùa, bệnh tật cho dân làng. Chính niềm tin vào sự tồn tại của các đấng siêu nhiên thường xuyên tác động vào cuộc sống con người khiến cho đồng bào có nhu cầu cao trong việc muốn hiểu rõ suy nghĩ của thần linh, muốn biết họ đòi hỏi những gì để dâng cúng, muốn biết họ căm ghét những gì mà con người nên tránh, không đụng chạm.

trừ khả năng giám sát theo chiều ngược lại. Hoạt động của dòng họ, phân chi hay gia đình bên cạnh tuân theo những nguyên tắc của luật tục còn dựa trên những nguyên tắc cao hơn là tinh thần phân biệt ngôi thứ trong quan hệ huyết thống, tinh thần gắn kết sâu sắc của những người cùng dòng máu. Nhờ đó, sự vận hành các hoạt động diễn ra được tình cảm điều chỉnh phải là những hoạt động, những hành vi phù hợp nhất, đầy tính người nhất trong gia đình trước khi được điều chỉnh bởi một cấp độ lý tính - luật tục trong phạm vi rộng hơn của ngôi làng. Chính nhờ sự đảm bảo vận hành tốt, tổ chức tốt ở các cấp độ huyết thống đã đóng góp và xây dựng thêm khả năng tự tổ chức, tự điều chỉnh của ngôi làng Cơ-tu.

3. Trình độ tự tổ chức, tự điều chỉnh tương đối cao của xã hội Cơ-tu còn thể hiện trong công cụ vận hành của bộ máy tự quản, đó là *luật tục*<sup>6</sup>.

Luật tục Cơ-tu xuất phát từ chính hoạt động thực tiễn của đồng bào trong công cuộc mưu sinh, chống chọi với tự nhiên khắc nghiệt. Nội dung luật tục chứa đựng những tri thức, kinh nghiệm, kỹ năng, nguyên tắc ứng xử trong các mối quan hệ giữa con người với tự nhiên (trong lao động sản xuất),

con người với con người (trong đời sống sinh hoạt, tôn giáo) là những thang bậc giá trị đảm bảo cho con người dựa vào đó để tự điều chỉnh sao cho phù hợp với nguyện vọng của cộng đồng và nghĩa vụ, lợi ích của bản thân mình. Tính chất trọng tình (song không tránh khỏi áp chế những nguyên tắc cứng rắn) của luật tục khiến cho mọi thành viên của ngôi làng Cơ-tu đặc biệt coi trọng tinh thần tự giác, tự nguyện thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của mình, bảo đảm cho cộng đồng phát triển hài hòa.

## 2. Tổ chức xã hội Cơ-tu truyền thống là xã hội của những con người tự do, bình đẳng, tự nguyện, có ý thức cao

Trong xã hội Cơ-tu có sự phân tầng về mặt tài sản mà chưa có sự phân tầng giai cấp đối kháng nên không xảy ra việc có một tập đoàn người này thống trị tập đoàn người khác, sử dụng công cụ quyền lực để bóc lột, cưỡng chế, đàn áp những người bị trị. Dẫu có sự khác biệt tương đối trong tài sản và địa vị của những người quản lý làng và dân thường song quan hệ giữa các thành viên với nhau là quan hệ của những người lao động, những người cùng chống chọi tự nhiên để mưu cầu hạnh phúc cho mình. Quan hệ của họ là bình đẳng trên mọi phương diện và tự do trên mọi phương diện. Bình đẳng trong xã hội Cơ-tu được thể hiện trong sự khác biệt ít ỏi đối với những quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi thành viên cộng đồng. Tự do trong xã hội Cơ-tu là tự do trong khuôn khổ của luật tục: *không được làm những gì luật tục cấm và được làm tất cả mọi thứ không có quy định trong điều cấm của luật tục*. Tự do của người Cơ-tu là tự do lao động, tự do sản xuất để nuôi sống bản thân trên cơ sở không

<sup>6</sup> Cũng như luật tục của các dân tộc thiểu số sống cận cư ở địa bàn Trường Sơn, luật tục của đồng bào Cơ-tu vừa mang tính khái quát cao ở các lĩnh vực quan trọng nhất của đời sống con người vừa cụ thể hóa ở những khía cạnh nhỏ nhất xuất phát từ hoạt động thực tiễn của cộng đồng. Luật tục Cơ-tu quy định mức xử phạt từ cấp thấp nhất đến cấp cao nhất tùy theo mức độ nhẹ hay nặng của hành vi vi phạm. Trong đó hình phạt cao nhất là đuổi khỏi làng được xem như “án tử hình” đối với người phạm tội. Xem thêm: Nguyễn Hữu Thông (Chủ biên) (2005), *Văn hóa làng miền núi Trung bộ Việt Nam: giá trị truyền thống và những bước chuyển lịch sử (dẫn liệu từ miền núi Quảng Nam)*, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 96-97.

xâm phạm tự do, lợi ích của người khác. Tự do của người Cơ-tu còn là tự do của việc tham gia góp ý, họp bàn xây dựng quyết sách cho làng, tự do giám sát việc áp dụng các quyết sách và thực hiện các quy định để mình được là người tự do.

Những thành viên của cộng đồng Cơ-tu trong sinh hoạt sản xuất, trong đời sống vật chất hay tâm linh bao giờ cũng thể hiện tính tự giác, tự nguyện và ý thức cao. Tự giác, tự nguyện trong việc tham gia thực hiện nghĩa vụ với làng. Tự giác trong các hoạt động nuôi sống mình, tự giác thực hiện các quy định của luật tục. Tinh thần tự giác đó của họ được uơm mầm từ sự dạy bảo của cha mẹ, ông bà và ngày càng được vun đắp, củng cố hơn nhờ luật tục trong chặng đường dài sinh sống với cộng đồng. Ở mỗi người Cơ-tu, ý thức cao của họ thể hiện ở việc xem mọi thành viên đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, ý thức tôn trọng người già, ý thức tôn trọng tình yêu thương chia sẻ, ý thức tôn trọng những điều cấm kỵ thiêng liêng, ý thức xây dựng bản làng giàu mạnh, ý thức tham gia vào các hoạt động chung của làng, ý thức thực hiện và cùng giám sát tính hợp lý trong các chủ trương của lãnh đạo làng... Nhờ có tính tự giác, tự nguyện và ý thức cao đó khiến sự đóng góp của mỗi người vào sự thịnh suy của cộng đồng không còn là một vấn đề mang tính áp đặt, khó chịu mà đã đạt đến ngưỡng của tinh thần vì cộng đồng sâu đậm, xem cộng đồng là nơi bảo vệ quyền lợi cho mình và cũng xem sự vững mạnh của cộng đồng tùy thuộc vào thái độ và mức độ đóng góp của mình.

### 3. Tổ chức xã hội Cơ-tu truyền thống là xã hội công khai, minh bạch

Tính công khai minh bạch của xã hội Cơ-tu biểu hiện trong *phương thức hoạt động* và *công cụ vận hành* (luật tục) của bộ máy tự quản. Tính công khai trong phương thức hoạt động của bộ máy tự quản thể hiện ở việc người dân Cơ-tu được quyền tham gia vào việc quyết định, ban hành các chủ trương, được quyền đề nghị những người lãnh đạo của làng phân giải các khía cạnh được mất, tốt xấu của chủ trương, chính sách để đồng bào có đồng thuận mới được thông qua, trở thành lẽ sống, nguyên tắc ứng xử của cộng đồng. Tính công khai minh bạch đó thể hiện ở phương diện được quyền “đôi thoại” của người dân, ở quyền được tham gia giám sát, chứng kiến hoạt động xét xử của tòa án luật tục. Tính công khai minh bạch đó thể hiện trong nội dung chế tài của luật tục: mọi người đều được biết các quy định được làm và không được làm để không phải bối rối, mò mẫm tìm ra cái được làm trong vô số cái không được làm trong luật tục. Tính minh bạch đó còn thể hiện ở chế tài của luật tục áp dụng đối với mọi người. Dù người đó giàu hay nghèo, người quản lý hay dân thường thì chế tài áp dụng là như nhau và có sự công nhận của cả cộng đồng trước hình phạt mà một người nào đó phải chấp nhận.

Nhờ tính công khai, minh bạch đã khiến cho mọi người hiểu nhau hơn và hiểu rõ hơn các khía cạnh trong đời sống cộng đồng. Tính công khai minh bạch giúp mọi người yên tâm hơn bởi nhờ tính chất này mà ai cũng có thể đóng góp vào cộng

đồng, vừa giúp cho cộng đồng được vận hành tốt hơn vừa phục vụ cho lợi ích chính đáng của mình.

#### **4. Tổ chức xã hội Cơ-tu truyền thống đạt được sự cân bằng, sự hài hòa các lợi ích tư và lợi ích công**

Lợi ích công trong xã hội Cơ-tu là lợi ích chung của mọi thành viên trong làng còn lợi ích tư là lợi ích riêng mà mọi người có thể được hưởng nhờ vào khả năng của mình bên cạnh các lợi ích công. Sự cân bằng hài hòa giữa hai lợi ích trong xã hội Cơ-tu thể hiện ở chỗ: quyền lợi của mọi thành viên luôn được đảm bảo trên các phương diện sản xuất và sinh hoạt và từ đó họ đóng góp công sức của mình hình thành và bảo vệ lợi ích chung. Lợi ích chung của cộng đồng là thống nhất, kết hợp hài hòa với lợi ích riêng của mỗi người. Mọi hoạt động của con người Cơ-tu trong làng trước hết phải tôn trọng, đảm bảo cho lợi ích chung được nảy sinh, tồn tại và phát triển. Lợi ích chung khi đã định hình trở lại đảm bảo cho lợi ích cá nhân của mỗi người.

Tóm lại, qua những điều phân tích ở trên cho thấy, trong xã hội truyền thống của người Cơ-tu đã hàm chứa nhiều yếu tố tiến bộ của tổ chức xã hội hiện đại. Những tiền đề đó chỉ là trạng thái bước đầu, mang tính sơ khai, tuy chưa đạt đến ý nghĩa đầy đủ như đặc trưng của xã hội dân sự - vốn là sự phát triển cao về chất của xã hội - song chúng ta có thể nhìn nhận chúng như là những điều kiện đã từng đảm bảo cho xã hội Cơ-tu vận hành thành công trong giai đoạn lịch sử đã qua và chúng sẽ là điều kiện, tiền đề cho việc hướng đến một xã hội với tính chất dân sự đầy đủ hơn, sâu sắc hơn ở vùng sinh sống của đồng bào trong giai đoạn hiện nay.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Bùi Xuân Đức (2007), Vấn đề nhận thức về xã hội công dân (hay xã hội dân sự) ở nước ta hiện nay, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, Số 6, tr. 6-12.
2. Tạ Đức (2002), *Tìm hiểu văn hóa Katu*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
3. Hoàng Ngọc Giao (2006), Bàn về xã hội dân sự, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, Số 11, tr. 52-55.
4. Dương Xuân Ngọc (2008), Xây dựng xã hội dân sự ở Việt Nam, *Tạp chí Lý luận chính trị*, Số 9, tr. 59-63.
5. Nguyễn Minh Phương (2007), Các tổ chức xã hội dân sự trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, Số 7, tr. 9-16.
6. Bùi Ngọc Sơn (2007), Xã hội làng Việt cổ truyền và xã hội dân sự: tham chiếu và gợi mở, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, Số 6, tr. 13-21.
7. Nguyễn Hữu Thông (Chủ biên) (2004), *Katu kẻ sống đầu ngọn nước*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
8. Nguyễn Hữu Thông (Chủ biên) (2005), *Văn hóa làng miền núi Trung bộ Việt Nam: giá trị truyền thống và những bước chuyển lịch sử (dẫn liệu từ miền núi Quảng Nam)*, Nxb Thuận Hóa, Thừa Thiên - Huế.
9. Võ Khánh Vinh (2008), Một số vấn đề lý luận về xã hội dân sự, *Tạp chí Khoa học xã hội*, Số 4 (116), tr. 21-35.